

Bản án số: 647/2024/DS-PT

Ngày: 23/07/2024

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Đặng Huyền Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Cao Hoàng Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 23/07/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 274/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 735/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2066/2024/QĐPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 6384/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3626/2024/QĐPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Kim Q**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số B Đường số D, Khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* **Tổng Công ty cổ phần B**;

Địa chỉ: Tầng B tòa nhà M, số B T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Hương G** – Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đình Quốc T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số A Đ, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông **Châu Kim L**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số A A, Phường E, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 **Công ty cổ phần M1**;

Địa chỉ: Văn phòng B, tầng H, tòa nhà P, số E Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Quang S**, Chức danh: Giám đốc;

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Minh T1**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Số C L, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 **Tổng Công ty cổ phần B1**;

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà G, số C, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Bà **Lê Thị Hà T2** – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Đại diện theo uỷ quyền:

- Bà **Đặng Thị H** – Chuyên viên pháp chế - Ban TKPC&KSNB;

- Ông **Đỗ Đăng Q1** – Trưởng Bộ phận GĐBT – Văn phòng Đ;

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng A, Tòa nhà G, số C, phường H, quận Đ, Thành phố H;

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông **Nguyễn Kim Q**.

(Phiên tòa có mặt ông Nguyễn Kim Q, ông Đinh Quốc T, ông Đỗ Đăng Q1; Vắng mặt ông Châu Kim L, ông Trần Minh T1, bà Đặng Thị H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Kim Q trình bày:*

Ông Nguyễn Kim Q là chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô hiệu MG biển số 61A-93782. Vào ngày 20/7/2022 thông qua ứng dụng Mito, ông Q có cho ông Châu Kim L thuê xe ô tô biển số 61A-937.82 thời gian từ ngày 20/07/2022 đến ngày 23/07/2022.

Công ty Cổ phần M1 (đơn vị quản lý ứng dụng M) và Công Ty T là Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần B (Công ty P) có ký kết hợp đồng phân phối bảo hiểm cho thuê xe ô tô tự lái. Do đó, khi ông L thuê xe ông Q có đăng ký mua bảo hiểm vật chất thân vỏ cho xe tự lái biển kiểm soát số 61A-937.82 theo Giấy chứng nhận bảo hiểm xe cơ giới số P-22 BIA/CNG/5106/607824 ngày 20/7/2022, tham gia bảo hiểm tại Công ty P thời gian bảo hiểm từ ngày 20/7/2022 đến ngày 25/7/2022.

Bên cạnh đó, xe ô tô 61A-937.82 cũng đã tham gia bảo hiểm vật chất thân vỏ của Công ty H là Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần B1 (Công ty V) theo số chứng nhận AD22/593176 có hiệu lực từ 14/5 2022 đến 14/5/2023 với hình thức không kinh doanh.

Ngày 21/7/2022, ông L điều khiển xe ô tô 61A-937.82 gây tai nạn với xe khác, dẫn đến xe 61A-937.82 bị hư hỏng nặng và đã có thông báo bảo hiểm cho cả hai bên công ty bảo hiểm về vụ việc trên. Đến ngày 1/8/2022, xe 61A-937.82 đã được đưa về hãng xe MG (Công ty TNHH N) để sửa chữa, đại diện Công ty P và Công ty V1 đều cử giám định xuống hãng xe MG để cùng giám sát, giám định thiệt hại cho xe của ông Q.

Sau cuộc họp thống nhất chi phí và phương án thanh toán ngày 03/11/2022 và nhiều lần ông Q yêu cầu Công ty P bảo lãnh xe theo thỏa thuận thì phía Công ty P không ra chứng thư bảo lãnh vì lý do chờ duyệt từ Công ty V1, ông Q đã đặt cọc số tiền 313.047.058 đồng (ba trăm mười ba triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm năm mươi tám đồng) bao gồm VAT cho đơn vị sửa chữa xe là Công Ty TNHH N để lấy xe ra sử dụng trước và chờ bảo lãnh từ phía Công ty P như đã thông báo trước đó.

Ngày 14/11/2022, Công ty V1 ban hành thông báo số 164/TBVPMN-VNI với nội dung từ chối bồi thường chi phí sửa chữa đối với xe ô tô 61A-937.82 vì cho rằng Công ty V1 chỉ phải chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm đối với xe không kinh doanh/cho thuê.

Ngày 10/12/2022, Công ty P gửi thông báo số 103/P-GĐBT-CV về chi phí khắc phục sửa chữa cho xe 61A-937.82 nhưng đã thay đổi phương án từ thay thế sang sửa chữa bộ dây điện thân xe nên duyệt giá có thay đổi. Sau nhiều lần khiếu nại, ông Q có cuộc họp với Công ty P về chi phí khắc phục sửa chữa và thống nhất số chi phí khắc phục sửa chữa cho xe ô tô 61A-937.82 là 249.232.750 đồng (hai trăm bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm năm mươi đồng) chưa bao gồm VAT (áp dụng mức khấu trừ 2.000.000 đồng, tổng cộng là 274.156.025 đồng) sau đó Công ty P ban hành Công văn số 17/P-GĐBT-CV thống nhất nội dung cuộc họp ngày 09/02/2023.

Đến ngày 06/04/2023, ông Q nhận được thông báo bồi thường từ Công ty P với số tiền bồi thường 127.707.799 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm lẻ bảy nghìn, bảy trăm chín mươi chín đồng); nhận thấy số tiền bồi thường sửa chữa trên là không thỏa đáng, quá chậm trễ, kéo dài hơn 08 tháng qua gây ảnh hưởng đến tâm lý, quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q. Do đó, ông Q khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty cổ phần B bồi thường cho ông Q tổng số tiền bảo hiểm là 286.248.934 đồng (hai trăm tám mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng) bao gồm: Chi phí sửa chữa đã bao gồm thuế VAT là:

247.156.025 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10%/năm, tạm tính kể từ ngày 10/11/2022 đến ngày 20/04/2023 là 12.092.909 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Tổng Công ty cổ phần B trình bày:

Ngày 20/07/2022, thông qua hoạt động của Công ty T là đơn vị thành viên của Tổng Công ty cổ phần B (Công ty P). Ông Châu Kim L thông qua ứng dụng M (thuê xe tự lái) đã thuê xe 61A-937.82 của ông Nguyễn Kim Q và kết hợp mua bảo hiểm theo giấy chứng nhận số P-22/BTA/CNG/5106/607824 (“GCNBH”), hiệu lực từ ngày 20/7/2022 đến ngày 25/7/2022.

Vào khoảng 10 giờ 15 phút, ngày 21/07/2022 ông L (có giấy phép lái xe hợp lệ) điều khiển xe 61A-937.82 lưu thông trên QL20 đoạn phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã va chạm với xe đầu kéo chạy phía trước cùng chiều gây hư hỏng nặng đầu xe. Nguyên nhân tai nạn do lái xe thiếu chú ý quan sát.

Về phạm vi trách nhiệm bảo hiểm của Công ty P: Căn cứ hồ sơ giám định; Căn cứ GCNBH số P-22/BTA/CNG/5106/607824, số tiền bảo hiểm tối đa là 599.000.000 đồng; Căn cứ theo thông báo duyệt giá ngày 17/02/2023 với số tiền sửa chữa cuối cùng đã được các bên thống nhất là 249.232.750 đồng (chưa bao gồm thuế); Căn cứ GCNBH số: BB2 0004227 ngày 14/05/2022 do Công ty V1 cấp bảo hiểm cho xe ô tô 61A-937.82 với số tiền bảo hiểm là 570.000.000 đồng; Công ty P đã gửi Thông báo bồi thường số 1143/P-CV-GĐBT ngày 06/04/2023 về việc giải quyết tổn thất với nội dung:

+ Áp dụng bồi thường theo số tiền bảo hiểm giữa Công ty P và Công ty V: $249.232.750 \times 599 / (570 + 599) = 127.707.799$ đồng (chưa gồm thuế và mức khấu trừ).

+ Áp dụng mức khấu trừ theo đơn: 2.000.000 đồng.

Tổng tiền bồi thường: 125.707.799 đồng (chưa bao gồm thuế).

Phía bị đơn cho rằng căn cứ vào hồ sơ vụ việc và quy định tại Điều 8 của Quy tắc bảo hiểm được chấp thuận theo công văn số 14563 ngày 22/11/2018 của Bộ Tài chính và Điều 44 Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000 quy định về Bảo hiểm trùng. Công ty P có căn cứ để áp dụng phương án bồi thường theo điều khoản bảo hiểm trùng đối với tổn thất xe số 61A-937.82. Do đó không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người đại diện hợp pháp của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty Cổ phần B1 (V) trình bày:*

Ngày 14/05/2022, Công ty H – đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần B1 ký Hợp đồng bảo hiểm số 4532202771/F02 với ông Nguyễn Kim Q về việc bảo hiểm cho xe, biển kiểm soát 61A-937.82, theo Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe

cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 187/2019/QĐ-BHHK ngày 27/03/2019 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần B1; số tiền bảo hiểm là 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng), với số phí bảo hiểm bao gồm VAT là 6.270.000 đồng (sáu triệu hai trăm bảy mươi triệu đồng); thời gian bảo hiểm là 12 tháng (kể từ 08 giờ 00 phút, ngày 14/05/2022 đến 08 giờ 00 phút ngày 14/05/2023). Mục đích sử dụng xe: không kinh doanh vận tải.

Ngày 21/07/2022, Công ty V nhận được thông tin về vụ tai nạn của xe 61A-937.82 xảy ra vào hồi 10 giờ 15 phút ngày 21/07/2022 tại Quốc lộ B thuộc địa phận phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; lái xe là ông Châu Kim L – khách thuê xe của ông Nguyễn Kim Q (theo hợp đồng thuê xe ô tô tự lái giữa ông Nguyễn Kim Q và ông Châu Kim L; thời gian thuê xe là từ 22 giờ 00 phút ngày 20/07/2022 đến 22 giờ 00 phút ngày 23/07/2022).

Ngay khi nhận được thông báo của lái xe, giám định viên của Công ty V1 đã ra hiện trường và xác minh sự việc. Tại phiếu thu thập, xác minh thông tin được lập vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 27/07/2022 giữa ông Lê Minh H1 – đại diện Công ty V1 và ông L; ông L có khai rằng ông thuê xe 61A-937.82 của ông Quang thông qua ứng dụng M; ông L có mua bảo hiểm cho xe 61A-937.82 thông qua ứng dụng M của Công ty P.

Hợp đồng thuê xe ô tô tự lái giữa ông Q và ông L được lập về việc thuê xe ô tô biển kiểm soát 61A-937.82:

+ Thời gian thuê từ từ 22 giờ 00 phút ngày 20/07/2022 đến 22 giờ 00 phút ngày 23/07/2022;

+ Khoản 4.2 điều 4 Nghĩa vụ bên A (cho thuê xe) (trích) “Giao đúng xe và các giấy tờ liên quan đến xe... Các Giấy tờ xe liên quan bao gồm Giấy đăng ký... Giấy bảo hiểm xe ô tô bắt buộc (bản chính). Không có GCNBH bảo hiểm vật chất xe.”

+ Khoản 4.1 điều 4 “Quyền của bên A” (cho thuê xe - ông Q) (trích) “ Khi hết hạn hợp đồng có quyền (ông Q) nhận lại tài sản thuê như tình trạng thỏa thuận ban đầu.

+ Khoản 5.2 điều 5 “Nghĩa vụ của bên B” (thuê xe- ông L) (trích) “ Bên B phải chịu 100% chi phí sửa chữa xe nếu xảy ra hỏng hóc tùy theo mức độ hư tổn của chiếc xe đó”.

+ Khoản 6.1 điều 6 “Đối tượng bảo hiểm và thời gian bảo hiểm (trích) chỉ áp dụng với chuyến đi có bảo hiểm chuyến trên ứng dụng xe Mito; Thời gian bảo hiểm tính từ thời gian bên B bắt đầu và hết hiệu lực theo thời gian bên B kết thúc chuyến đi đã đăng ký trên ứng dụng Mito.”

+ Khoản 6.2 Phạm vi bảo hiểm: Nhà bảo hiểm chịu trách nhiệm bồi thường cho bên A những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, va chạm xe, không lường trước được trong những trường hợp sau: Đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác ngoài xe cơ giới); Hỏa hoạn, cháy, nổ; Mất cắp, mất nguyên chiếc; Thủy kích (Khấu trừ 20% số tiền bảo hiểm, tối thiểu 3.000.000 VNĐ); Mức khấu trừ 2.000.000 đồng/vụ.

Như vậy bên thuê xe và bên cho thuê đã thỏa thuận về việc chính sách bảo hiểm và quyền lợi bảo hiểm theo chuyển áp dụng theo hợp đồng bảo hiểm theo chuyển – hợp đồng bảo hiểm mua của P. Theo thỏa thuận này, Hợp đồng bảo hiểm giữa ông Q và Công ty V1 không phát sinh hiệu lực trong thời gian thuê xe.

Trong vụ việc này, chủ xe là ông Q đã cho ông L thuê xe; theo Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ban hành 24/11/2015 tại Điều 479 “Nghĩa vụ bảo quản tài sản thuê” và Điều 482 trả lại tài sản thuê. Như vậy ngay từ khi ký Hợp đồng thuê xe thì giữa ông Q và ông L đã quy định việc đền bù (người thuê phải đền bù nếu để xảy ra tai nạn, tổn thất). Để đảm bảo cho nghĩa vụ của bên thuê xe, ông L đã mua bảo hiểm của Công ty P, như vậy nghĩa vụ đền bù trong trường hợp này là của ông L và được đảm bảo bằng Hợp đồng bảo hiểm của P.

-Hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty V1 và ông Q không phát sinh hiệu lực trong thời gian thuê xe.

-Việc bồi thường bảo hiểm theo thiệt hại thực tế nên trong trường hợp này ông Q không thiệt hại gì vì xe 61A-937.82 đã được người thuê/Công ty bảo hiểm của người thuê bồi thường.

Sau đó, Công ty V1 gửi văn bản số 1967/BHKK ngày 23/8/2023 với nội dung:

+ Hợp đồng bảo hiểm giữa ông Q và Công ty V1 và Hợp đồng bảo hiểm giữa ông L và Công ty P không phải là hợp đồng bảo hiểm trùng:

a) Hợp đồng bảo hiểm giữa ông Q và Công ty V1 có các nội dung sau:

+ Bên mua bảo hiểm/người được bảo hiểm là ông Nguyễn Kim Q.

+ Thời hạn bảo hiểm: 12 tháng.

+ Biểu phí áp dụng theo thời hạn 12 tháng.

+ Quy tắc áp dụng: Quy tắc của Tổng Công ty cổ phần B1.

+ Mục đích sử dụng xe: Không kinh doanh vận tải.

b) Hợp đồng bảo hiểm giữa ông L và Công ty P có các nội dung sau:

+ Bên mua bảo hiểm/người được bảo hiểm là ông Châu Kim L.

+ Thời hạn bảo hiểm (theo thời gian thuê): từ 22 giờ 00 phút ngày 20/07/2022 đến 22 giờ 00 phút ngày 23/07/2022.

+ Biểu phí áp dụng theo thời gian bảo hiểm (thời gian thuê).

+ Quy tắc áp dụng: Quy tắc của Công ty P.

Hợp đồng bảo hiểm giữa ông Q với Công ty Công ty V1 và Hợp đồng bảo hiểm giữa ông L với Công ty P khác nhau về: bên mua bảo hiểm/người được bảo hiểm, thời gian bảo hiểm, biểu phí, điều kiện, quy tắc và mục đích sử dụng xe.

Trong khi đó theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định về Hợp đồng bảo hiểm trùng: (trích) “...1. Hợp đồng bảo hiểm trùng là trường hợp bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng, với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm...”.

Như vậy đây không phải là hợp đồng bảo hiểm trùng, Công ty V1 và ông L không có phát sinh bất kỳ mối quan hệ nào.

Bên cạnh đó, khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, ông Q đã khai mục đích sử dụng xe là không kinh doanh vận tải mà sử dụng xe không đúng mục đích, hậu quả pháp lý khi xảy ra tổn thất thuộc phạm vi bồi thường thì công ty bảo hiểm sẽ giảm trừ một phần trách nhiệm theo quy định. Do đó, đối với tổn thất của xe 61A-937.82 không phát sinh trách nhiệm bồi thường của V;

** Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần M1 trình bày:*

Vào ngày 04/12/2021, ông Q đăng ký tham gia ứng dụng Mito nhằm mục đích cho thuê xe ô tô tự lái biển số 61A-937.82, nhãn hiệu MG do ông Q là chủ sở hữu của chiếc xe. Ông L là khách hàng có đăng ký tài khoản trên ứng dụng Mito theo số ID 160458, số điện thoại đăng ký: 0908262030 (theo tài liệu đính kèm).

Từ dữ liệu lưu trên hệ thống của M1, ngày 20/7/2021 Công ty có tiếp nhận thông tin về việc đặt thuê xe ô tô của ông L thuê xe ô tô biển số 61A-937.82 từ ngày 20/7/2022 đến ngày 23/7/2022. Sau khi kết nối thành công việc thuê xe ô tô tự lái giữa chủ xe là ông Q và ông L thì hai bên liên hệ trực tiếp với nhau để ký Hợp đồng thuê xe ô tô tự lái và bàn giao xe thuê theo các chính sách và quy định của M1 đã công bố trên nền tảng ứng dụng.

Về nội dung chính của thỏa thuận giữa ba bên liên quan đến dịch vụ cung cấp: Công ty cổ phần M1 là doanh nghiệp hoạt động cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử trong lĩnh vực cho thuê xe tự lái từ 4-7 chỗ. Sàn giao dịch thương mại điện tử Mito.vn có chức năng là cầu nối giữa Chủ xe và Khách hàng dựa trên ứng dụng công nghệ hiện đại.

Về thỏa thuận trách nhiệm liên quan đến sự kiện bảo hiểm:

Công ty cổ phần M1 và Công ty P có ký kết hợp đồng phân phối bảo hiểm cho thuê xe tự lái theo Hợp đồng nguyên tắc Bảo hiểm vật chất xe ô tô theo chuyên số 07/2022/HĐNT/P-MIOTO ASIA-GC ngày 22/06/2022. Theo nội dung hợp đồng thì M1 là đơn vị giới thiệu, hướng dẫn Khách hàng (Chủ xe ô tô) mua bảo hiểm xe cơ giới theo chuyên (nếu có). Do vậy, tùy theo nhu cầu đăng ký tham gia bảo hiểm theo chuyên của chủ xe mà Công ty lập danh sách cung cấp cho đơn vị bảo hiểm Công ty P và sẽ được Công ty P xác nhận là đối tượng được bảo hiểm cho mỗi chuyến đi. Đối với xe ô tô biển số 61A-937.82, khi cho ông L thuê xe, ông Q có đăng ký mua bảo hiểm vật chất thân vỏ cho xe ô tô tự lái cho chiếc xe trên và được Công ty T cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm xe cơ giới số P-22/BTA/CNG/5106/607824 ngày 20/7/2022 đến ngày 25/7/2022.

Mặt khác, ông Q cũng tham gia bảo hiểm vật chất thân vỏ của Công ty V1 theo số chứng nhận AD22/593176 có hiệu lực từ ngày 14/5/2022 đến ngày 14/5/2023 với hình thức không kinh doanh.

Căn cứ Chính sách bảo hiểm của M1, trường hợp chuyến đi được hỗ trợ bảo hiểm do M1 cung cấp, nhà bảo hiểm sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho bên cho thuê những thiệt hại về vật chất do tai nạn bất ngờ xảy ra. Miotto chỉ đóng vai trò là sàn giao dịch thương mại điện tử về cho thuê xe ô tô, là cầu nối giữa chủ xe và khách hàng có nhu cầu thuê xe. Về cơ bản, mọi thủ tục và toàn bộ các vấn đề phát sinh liên quan đến giao dịch cho thuê xe giữa chủ xe và khách thuê sẽ do hai bên tự thỏa thuận, ký hợp đồng và có trách nhiệm với nhau.

Trong trường hợp xảy ra sự cố ngoài ý muốn. Miotto sẽ hỗ trợ tốt nhất trong việc hướng dẫn các thủ tục cần thiết và liên hệ với đơn vị bảo hiểm và yêu cầu chi trả bảo hiểm. Do ông Q đã tham gia bảo hiểm tại Công ty P và Công ty V1 nên hai đơn vị này có trách nhiệm bồi thường cho chủ xe những thiệt hại vật chất trong phạm vi bảo hiểm.

** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Châu Kim L trình bày:*

Thông qua phần mềm thuê xe của Công ty cổ phần M1, ông L có đặt để thuê xe thời gian như sau (22h ngày 20/7/2022 đến 22h ngày 23/7/2022) nên vào lúc 22 giờ ngày 20/7/2022 ông L có đến nhà ông Q để thỏa thuận thuê chiếc xe Morris Garages Zs Luxury 2021 – biển số 61A -937.82 (xe 5 chỗ), đơn giá thuê: 766.667 đồng/ngày, phí dịch vụ: 57.501 đồng/ngày, phí bảo hiểm 57.501 đồng/ngày; chuyến đi được bảo hiểm từ 22h ngày 20/7/2022 đến 22h ngày 25/7/2022 (cấp hồi 22h ngày 20/7/2022).

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 735/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim Q: Buộc Tổng Công ty cổ phần B phải bồi thường cho ông Nguyễn Kim Q theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số P-22/BTA/CNG/5106/607824 ngày 20/7/2022 số tiền bảo hiểm là 125.707.799 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền bảo hiểm có nghĩa vụ bồi thường đến ngày xét xử là 6.888.099 đồng, tổng cộng: 132.595.898 (một trăm ba mươi hai triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm chín mươi tám) đồng;

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim Q buộc Tổng Công ty cổ phần B phải bồi thường số tiền bảo hiểm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số P-22/BTA/CNG/5106/607824 ngày 20/7/2022 là 121.524.951 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền bảo hiểm có nghĩa vụ bồi thường là 8.024.599 đồng, tổng cộng là: 129.549.510 đồng.

Bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo, thi hành án.

* Ngày 25/9/2023 nguyên đơn ông Nguyễn Kim Q nộp đơn kháng cáo.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

1. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết:

- Xác định nghĩa vụ của Tổng công ty Cổ phần B (Công ty P). Công ty P đã hướng dẫn đúng và đầy đủ các quy tắc bảo hiểm cho người mua bảo hiểm trong trường hợp này, trong đó quy tắc bảo hiểm trùng không được thể hiện trên bản quy tắc theo đơn bảo hiểm số P 22/BTA/CNG/5106/607824 trên ứng dụng Miotto đã phát hành.

- Xác định rõ vụ việc này có thuộc bảo hiểm trùng không vì có sự khác biệt về phạm vi bảo hiểm. Phạm vi bảo hiểm của Công ty P là bảo hiểm cho thuê xe tự lái. Phạm vi bảo hiểm của Công ty H là không kinh doanh, nếu cho thuê xe tự lái thì sẽ tính giảm trừ tỉ lệ bồi thường theo tỉ lệ chênh lệch phí giữa không kinh doanh và cho thuê tự lái dẫn đến tỉ lệ bồi thường là khác nhau. Số tiền tham gia bảo hiểm của Công ty V1 là 570.000.000 đồng, số tiền tham gia bảo hiểm của Công ty P là 599.000.000 đồng nên trong trường hợp phân chia tỉ lệ các bên sẽ chênh lệch Công ty V1: $570.000.000 \text{ đồng} / (570.000.000 \text{ đồng} + 599.000.000 \text{ đồng})$ và P: $599.000.000 \text{ đồng} / (570.000.000 \text{ đồng} + 599.000.000 \text{ đồng})$.

- Trong trường hợp bảo hiểm trùng, dựa vào công thức tính và điều kiện trên thì tỉ lệ bồi thường của các đơn vị bảo hiểm sẽ được tính như sau: Công ty V1 là $249.232.750 \text{ đồng} \times 570.000.000 \text{ đồng} / (570.000.000 \text{ đồng} + 599.000.000 \text{ đồng}) \times (1.1/2.5) = 53.470.978 \text{ đồng}$ tương ứng tỉ lệ 21,45%. P: $249.232.750 \times (599.000.000 \text{ đồng} / (570.000.000 \text{ đồng} + 599.000.000 \text{ đồng})) = 127.707.799 \text{ đồng}$

tương ứng tỉ lệ 51,24%. Tổng số tiền bồi thường theo công thức tính trên 53.470.978 đồng + 127.707.799 đồng = 181.178.777 đồng tương đương là 72,69% còn thiếu số tiền là 68.053.073 đồng (tương đương 27,31%). Do đó, đề nghị xem xét việc phân chia tỉ lệ bồi thường giữa hai đơn vị bảo hiểm nhưng đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn.

- Ông Đinh Quốc T là người đại diện hợp pháp của của bịtrình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn đồng ý hỗ trợ tăng thêm tiền bồi thường cho nguyên đơn là 149.539.650 đồng (tương đương 60% số tiền sửa chữa mà hai bên thống nhất). Còn về tiền lãi chỉ đồng ý số tiền lãi tính trên số tiền bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn theo bản án sơ thẩm là 6.888.099 đồng.

- Ông Đỗ Đăng Q1 đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty V1 trình bày: Ông Đỗ Đăng Q1 không có ý kiến, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ Điều 44 về Hợp đồng bảo hiểm trùng (Luật kinh doanh bảo hiểm 2000, sửa đổi bổ sung 2010 và 2019); Căn cứ vào các Hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm lần lượt do Công ty V1 và Công ty P phát hành; Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 187/2019/QĐ-BHKK ngày 27/03/2019 của Tổng Giám đốc Công ty V1 và Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô do Công ty P ban hành (kèm theo công văn chấp thuận số 14563/BTC-QLBH ngày 22/11/2018 của Bộ Tài chính) nhận thấy Công ty P và Công ty V1 đều có chung quy tắc bảo hiểm vật chất thân vỏ xe ô tô, cụ thể: Phạm vi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, số tiền bảo hiểm, giá trị bảo hiểm; giải quyết quyền lợi và mức giảm trừ.

Tại cấp sơ thẩm, đại diện Công ty P xác định trường hợp tai nạn xe ô tô của ông Q1 không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, ông Q1 đã làm đúng các thủ tục cần thiết được quy định trong Quy tắc bảo hiểm do Công ty P ban hành. Công ty V1 cho rằng không phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của Công ty V1 đối với xe ô tô của ông Q1 nhưng không dẫn chiếu đến quy định nào thuộc trường hợp miễn trừ trách nhiệm của Công ty V1.

Đối chiếu với khoản 1 Điều 44 Luật kinh doanh bảo hiểm, có cơ sở xác định 02 Giấy chứng nhận bảo hiểm do Công ty P và Công ty V1 phát hành cùng đảm bảo cho 01 xe ô tô BKS: 61A-937.82 (BKS hiện nay 51K-543.95) do ông Q1 làm chủ sở hữu, trong cùng sự kiện xe bị tai nạn là hai hợp đồng bảo hiểm trùng.

Giữa ông Q1 với Công ty P đã thống nhất giá trị thiệt hại là 249.232.750 đồng. Công ty P căn cứ khoản 2 Điều 44 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 bồi thường theo tỷ lệ là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty P đồng ý nâng mức bồi thường lên 60% trên số tiền thiệt hại mà hai bên đã thống nhất. Xét đây là sự tự nguyện của Công ty P, không trái quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm ghi nhận, và sửa án sơ thẩm theo hướng nâng mức bồi thường của Công ty P lên 60%.

- Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông Q1 không khởi kiện yêu cầu Công ty V1 chịu trách nhiệm liên đới bồi thường nên cấp sơ thẩm không có cơ sở xem xét. Để đảm bảo quyền lợi, ông Q1 có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vào ngày 22/9/2023, ngày 25/9/2023 nguyên đơn ông Nguyễn Kim Q nộp đơn kháng cáo. Nguyên đơn đã nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên đơn kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ và được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp dân sự về hợp đồng dịch vụ; bị đơn có trụ sở tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Do có kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Kim Q nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Về những người tham gia tố tụng: Hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô theo chuyển số 07/2022/HĐNT/P-MIOTO ASIA-GC ngày 22/06/2022 được ký giữa các bên gồm một bên là Công ty cổ phần M1 (gọi tắt là bên A), một bên là Công ty T (gọi tắt là bên B), một bên là công ty cổ phần T4 (gọi tắt là bên C) với nguyên tắc hoạt động chung là bên A, bên C giới thiệu, hướng dẫn khách hàng mua bảo hiểm xe cơ giới theo chuyển. Trong vụ kiện này, Công ty cổ phần M1 là bên giới thiệu, hướng dẫn khách hàng mua bảo hiểm của Công ty P nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty cổ phần T4 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với qui định pháp luật.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Các đương sự gồm ông Châu Kim L, ông Trần Minh T1, bà Đặng Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án

[2] Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét trong trường hợp nếu hợp đồng bảo hiểm trùng thì quyền và nghĩa vụ bồi thường, tỉ lệ bồi thường của bị đơn vì điều kiện và phạm vi của 2 đơn vị bảo hiểm là khác nhau dẫn đến tỉ lệ bồi thường là khác nhau. Việc phân chia tỉ lệ bồi thường là giữa 2 đơn vị bảo hiểm nhưng đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn để tổng số tiền bồi thường của các bên bảo hiểm bằng với chi phí sửa chữa thực tế đã thống nhất.

[2.1] Về hợp đồng bảo hiểm trùng:

- Nguyên đơn và Công ty V1 có giao kết hợp đồng bảo hiểm số 4532202575/F02 ngày 14/5/2022 và phụ lục hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 4532202771/F02 ngày 08/12/2022 với nội dung: bảo hiểm cho xe biển kiểm soát 61A-937.82, thời gian bảo hiểm kể từ 08 giờ 00 phút ngày 14/05/2022 đến 08 giờ 00 phút ngày 14/05/2023 theo Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 187/2019/QĐ-BHKK ngày 27/03/2019 của Tổng Giám đốc VNI; số tiền bảo hiểm là 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng), với số phí bảo hiểm bao gồm VAT là 6.270.000 đồng (sáu triệu hai trăm bảy mươi triệu đồng); thời gian bảo hiểm là 12 tháng (kể từ 08 giờ 00 phút, ngày 14/05/2022 đến 08 giờ 00 phút ngày 14/05/2023). Mục đích sử dụng xe: không kinh doanh vận tải;

- Ông Châu Kim L thông qua ứng dụng M đã thuê xe 61A-937.82 của nguyên đơn để tự lái và kết hợp mua bảo hiểm theo giấy chứng nhận bảo hiểm xe cơ giới số P-22/BTA/CNG/5106/607824 (“GCNBH”) cấp ngày 20/7/2022 do bị đơn phát

hành (có thời hạn bảo hiểm từ ngày 20/7/2022 đến ngày 25/7/2022); đối tượng bảo hiểm: xe 61A-93782, số khung và số máy theo cavet; mức khấu trừ: 2.000.000 đồng; bảo hiểm vật chất xe: 599.000.000 đồng; loại xe: cho thuê xe tự lái.

- Sự kiện bảo hiểm: Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 21/07/2022, ông Châu Kim L (có giấy phép lái xe hợp lệ) điều khiển xe oto biển kiểm soát 61A-937.82 lưu thông trên QL20 đoạn phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã va chạm với xe đầu kéo chạy phía trước cùng chiều gây hư hỏng.

Xét: Căn cứ giấy nhận bảo hiểm xe cơ giới cấp ngày 20/7/2022 do bị đơn phát hành số P-22/BTA/CNG/5106/607824 (có thời hạn bảo hiểm từ ngày 20/7/2022 đến ngày 25/7/2022) và thời điểm sự kiện bảo hiểm xảy ra vào khoảng 10 giờ 15 phút ngày 21/07/2022, cấp sơ thẩm áp dụng Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010 và năm 2019 là đúng.

Giấy nhận bảo hiểm xe cơ giới số P-22/BTA/CNG/5106/607824 và hợp đồng bảo hiểm số 4532202575/F02 ngày 14/5/2022 cùng bảo hiểm vật chất xe cho cùng một đối tượng xe biển kiểm soát 61A-937.82 với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời gian và phạm vi bảo hiểm của cả hai hợp đồng bảo hiểm. Do đó, Căn cứ khoản 1 Điều 44 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 thể hiện “Hợp đồng bảo hiểm trùng là trường hợp bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng, với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm” có đủ cơ sở xác định là Hợp đồng bảo hiểm trùng.

[2.2] Về ý kiến của nguyên đơn và kiến nghị của Công ty V1:

- Căn cứ quy định tại Điều 66 Luật Giao thông đường bộ về kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và khoản 1 Điều 3 Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô thì: “...*Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô là việc sử dụng xe ô tô vận tải hàng hóa, hành khách trên đường bộ nhằm mục đích sinh lợi; bao gồm kinh doanh vận tải thu tiền trực tiếp và kinh doanh vận tải không thu tiền trực tiếp...*” bên cạnh đó, Tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô thể hiện “Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô là việc thực hiện ít nhất một trong các công đoạn chính của hoạt động vận tải (trực tiếp điều hành phương tiện, lái xe hoặc quyết định giá cước vận tải) để vận chuyển hành khách, hàng hóa trên đường bộ nhằm mục đích sinh lợi”. Do đó, cấp sơ thẩm xác định hoạt động cho thuê xe tự lái không được xem là hoạt động kinh doanh vận tải là phù hợp với qui định pháp luật.

- Công ty V1 cho rằng: Bên thuê xe là ông Châu Kim L và Bên cho thuê xe là nguyên đơn đã thỏa thuận hợp đồng thuê xe về chính sách bảo hiểm và quyền lợi bảo hiểm đã được áp dụng theo hợp đồng bảo hiểm theo chuyến đã mua của bị đơn; bên thuê xe phải có nghĩa vụ bảo quản tài sản thuê và trả lại tài sản thuê

theo quy định tại Điều 479 và Điều 482 Bộ luật Dân sự năm 2015; do đó thiệt hại thực tế của nguyên đơn đã được người thuê và bị đơn bồi thường nên không phát sinh nghĩa vụ bồi thường của Công ty V1. Tuy nhiên, Công ty V1 không được dẫn chiếu cụ thể đến nội dung nào được quy định tại Điều 11 Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 187/2019/QĐ-BHHK ngày 27/03/2019 để loại trừ nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm của Công ty V1 nên không có cơ sở chấp nhận kiến nghị của Công ty V1.

- Bên cạnh đó, như nhận định tại mục [2.1] đây là hợp đồng bảo hiểm trùng nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của nguyên đơn và Công ty V1 về việc không phát sinh nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm của Công ty V1.

[2.3] Về yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền bảo hiểm là 247.232.750 đồng hoặc trường hợp xác định bảo hiểm trùng đề nghị xem xét phân chia tỉ lệ bồi thường giữa hai công ty bảo hiểm để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn.

Như nhận định tại mục [2.1] đây là hợp đồng bảo hiểm trùng và mục [2.2] không có cơ sở để loại trừ nghĩa vụ bồi thường của Công ty V1. Trong vụ kiện nguyên đơn không yêu cầu Công ty V1 có trách nhiệm bồi thường nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét về trách nhiệm bồi thường của Công ty V1 là phù hợp với qui định pháp luật.

+ Nguyên đơn và bị đơn thống nhất chi phí sửa chữa tổn thất cho xe căn cứ theo thông báo duyệt giá ngày 17/02/2023 với số tiền là 249.232.750 đồng.

+ Giấy chứng nhận bảo hiểm số P-22/BTA/CNG/5106/607824 do bị đơn phát hành số tiền bảo hiểm cấp bảo hiểm cho xe ô tô 61A-937.82 tối đa là 599.000.000 đồng; mức khấu trừ chính: 2.000.000 đồng/vụ.

+ Giấy chứng nhận bảo hiểm số BB2 0004227 ngày 14/05/2022 do Công ty V1 cấp bảo hiểm cho xe ô tô 61A-937.82 (biển số mới: 51K-543.95) với số tiền bảo hiểm là 570.000.000 đồng.

- Về tỷ lệ bị đơn phải chịu trách nhiệm bồi thường:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị đơn có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn số tiền là 125.707.799 đồng theo cách tính tỷ lệ như sau: $249.232.750 \text{ đồng} \times 599.000.000 \text{ đồng} / (570.000.000 \text{ đồng} + 599.000.000 \text{ đồng}) = 127.707.799 \text{ đồng}$. Áp dụng mức khấu trừ: 2.000.000 đồng. Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy việc tính tỷ lệ bị đơn phải chịu trách nhiệm bồi thường của cấp sơ thẩm phù hợp theo qui định khoản 2 Điều 44 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 thể hiện “Trong trường hợp các bên giao kết hợp đồng bảo hiểm trùng, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, mỗi doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thoả thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà bên mua bảo hiểm đã giao kết...” nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn đồng ý hỗ trợ tăng thêm tiền bồi thường cho nguyên đơn là 149.539.650 đồng (tương đương 60% số tiền sửa chữa mà hai bên thống nhất). Xét sự tự nguyện hỗ trợ tăng thêm tiền bồi thường của bị đơn không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc xem xét phân chia tỉ lệ bồi thường giữa hai công ty bảo hiểm để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tại Tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn không có yêu cầu Công ty V1 có trách nhiệm bồi thường nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét về trách nhiệm bồi thường của công ty V1. Do đó, cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét.

[2.4] Về yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử là 14.912.658 đồng.

- Căn cứ quy định tại điểm khoản 2 Điều 4 Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô (ban hành kèm theo công văn chấp thuận số 14563/BTC-QLBH ngày 22/11/2018 của Bộ Tài chính) do bị đơn ban hành thì bị đơn phải có nghĩa vụ: “...*Trả bồi thường trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ, không quá 30 ngày trong trường hợp phải xác minh hồ sơ...*”. Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng minh đã thông báo cho nguyên đơn về việc hồ sơ bảo hiểm thuộc trường hợp phải xác minh hoặc yêu cầu bị đơn giao nộp bổ sung tài liệu liên quan đến hồ sơ bồi thường. Do đó, bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền bồi thường bảo hiểm cho nguyên đơn 15 ngày kể từ khi hai bên thống nhất chi phí sửa chữa xe và bị đơn ban hành Văn số 17/P-GĐBT-CV ngày 17/02/2023. Do đó, thời điểm bắt đầu tính lãi số tiền bồi thường bảo hiểm là từ ngày 04/3/2023 đến ngày 20/9/2023.

- Hợp đồng bảo hiểm và quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô (ban hành kèm theo công văn chấp thuận số 14563/BTC-QLBH ngày 22/11/2018 của Bộ Tài chính) không có quy định lãi chậm trả nên nguyên đơn áp dụng mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tòa án cấp sơ thẩm tính số tiền lãi trên số tiền bảo hiểm bị đơn có nghĩa vụ bồi thường là phù hợp với qui định pháp luật. Cụ thể: $125.707.799 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 200 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 6.888.099 \text{ đồng}$.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[2.6] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn

phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do sửa bản án sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Kim Q. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 735/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1 Ghi nhận sự tự nguyện của Tổng Công ty B bồi thường cho ông Nguyễn Kim Q theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số P-22/BTA/CNG/5106/607824 ngày 20/7/2022 số tiền bảo hiểm là 149.539.650 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền bảo hiểm có nghĩa vụ bồi thường từ ngày 04/03/2023 đến ngày 20/09/2023) là 6.888.099 đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim Q buộc Tổng Công ty B phải bồi thường số tiền bảo hiểm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số P-22/BTA/CNG/5106/607824 ngày 20/7/2022 là 97.693.100 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền bảo hiểm có nghĩa vụ bồi thường là 8.024.599 đồng, tổng cộng là: 105.717.699 đồng.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tổng Công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.821.387 đồng;

- Ông Nguyễn Kim Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.285.885 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.156.224 đồng theo biên thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa số AA/2023/0043533 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi Cục hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho ông Nguyễn Kim Q số tiền tạm ứng án phí là 1.870.339 đồng theo biên thu tạm ứng

án phí lệ phí Tòa số AA/2023/0043533 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi Cục hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Kim Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Q số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0044468 ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu (T 20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Cương

